TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2026
V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và giao nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Văn Hần và bà Nông Thị Sinh

- Thư ký phiên toà: Bà Lục Thị Anh Châm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trương Tiến Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2026, về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và giao nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1982;
  Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*
- **Bị đơn**: Anh Nông Văn D, sinh năm 1985;
  Địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Đ trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nông Văn D chung sống với nhau từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi cưới hỏi anh chị sinh sống cùng nhau tại thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 thì anh chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2023, anh chị không còn sống chung và không còn quan tâm nhau nữa, mặc dù đã được hai bên

gia đình khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị đề nghị Toà án không công nhận chị và anh Nông Văn D là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Nông Văn D có 03 con chung là cháu Nông Bích D1, sinh ngày 23/12/2006; Nông Tiến Đ1, sinh ngày 15/02/2010 và Nông Tiến Đ2, sinh ngày 15/02/2010. Khi giải quyết không công nhận vợ chồng chị đề nghị giao 02 con chung là cháu Nông Tiến Đ1 và cháu Nông T Đỗ cho anh Nông Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Còn cháu Nông Bích D1 đã trưởng thành nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung và chịu toàn bộ chi phí nuôi dưỡng, bao gồm ăn ở, học tập, y tế và các chi phí hợp lý khác cho các con với mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Nông Văn D không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; phiên họp hoà giải bị đơn anh Nông Văn D trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Đặng Thị Đ chung sống với nhau từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, sau đó sinh sống cùng nhau tại thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu, anh chị sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2023 thì anh chị nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh nhất trí với yêu cầu của chị Đ.

Về con chung: Anh D đồng ý nuôi 02 con chung, yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng cho các con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng/cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn anh Nông Văn D nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị Đ, nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Nông Tiến Đ1 và Nông Tiến Đỗ và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung với mức tiền 3.000.000 đồng/tháng/2 cháu từ tháng 7/2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi (1.500.000 đồng/cháu/tháng), phương thức cấp dưỡng theo tháng.

- Nguyên đơn chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về con chung, chị Đ yêu cầu anh D là người trực tiếp nuôi 02 con chung, chị Đ nhất trí với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/cháu/tháng từ tháng 7/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng mà anh D đã yêu cầu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, 15, Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Đ; Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn D là vợ chồng.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Giao 02 con chung là cháu Nông Tiến Đ1, sinh ngày 15/02/2010 và cháu Nông Tiến Đ2, sinh ngày 15/02/2010 cho anh Nông Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Đ có quyền đi lại thăm nuôi con chung mà không ai được cản trở và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chị Đặng Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D đối với các cháu Nông Tiến Đ1, và Nông T Đỗ mỗi cháu 1.500.000 đồng/cháu/tháng thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về án phí, quyền kháng cáo: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và giao nuôi con chung với anh Nông Văn D, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã L, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là *"Không công nhận quan hệ vợ chồng và giao nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2023, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Chị Đ, anh D xác định mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, đề nghị Toà án không công nhận anh chị là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53

của chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Đ và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn D.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ anh D đều thống nhất trình bày quá trình chung sống chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn D có 03 con chung là cháu Nông Bích D1, sinh ngày 23/12/2006; Nông Tiến Đ1, sinh ngày 15/02/2010 và Nông Tiến Đ2, sinh ngày 15/02/2010. Khi giải quyết không công nhận vợ chồng chị Đ và anh D đều đề nghị giao 02 con chung là cháu Nông Tiến Đ1 và cháu Nông T Đỗ cho anh Nông Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Còn cháu Nông Bích D1 đã trưởng thành nên không đề nghị Toà án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa anh D đề nghị chị Đ cấp dưỡng 1.500.000 đồng/cháu/tháng, chị Đặng Thị Đ nhất trí với yêu cầu của anh D và tự nguyện cấp dưỡng với mức 1.500.000 đồng/cháu/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2026.

Xét thỏa thuận của các đương sự về giao nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giao nuôi con chung và cấp dưỡng cụ thể: Giao cháu Nông Tiến Đ1, sinh ngày 15/02/2010 và Nông Tiến Đ2, sinh ngày 15/02/2010 cho anh Nông Văn D người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, chị Đặng Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nông Tiến Đ1 và Nông T Đỗ mỗi cháu 1.500.000 đồng/cháu/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Đ đối với anh Nông Văn D.

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1 Về giao nuôi con chung: Giao 02 con là cháu Nông Tiến Đ1, sinh ngày 15/02/2010 và cháu Nông Tiến Đ2, sinh ngày 15/02/2010 cho anh Nông Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Đặng Thị Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/cháu/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 .

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Đặng Thị Đ đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0000917 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang), chị Đặng Thị Đ còn phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/6/2026)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Lâm Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ma Ngọc Trung